TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 943/2026/DS-PT
Ngày: 24/7/2026
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Phương;

2. Ông Đinh Tiền Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 03/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 316/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 429/2026/QĐ-PT ngày 25/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Số A, ấp A, xã H, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Ngân hàng N. Trụ sở: Số B, đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Phạm Huỳnh Minh T (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022);vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Diễm T1, địa chỉ: Số A, quốc lộ E, ấp A, xã C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 01/4/2025); có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Bà Lý Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lý Thị T2:

Bà H gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với tổng số tiền là 1.220.000.000 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng) với 04 sổ tiết kiệm. Cụ thể: 01 sổ tiết kiệm với số tiền 20.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 150.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 250.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 800.000.000 đồng. Bà H không cung cấp bản sao 4 sổ tiết kiệm này cho Toà án.

Đến tháng 03/2018, bà có đến Ngân hàng rút tiền lãi của 03 sổ tiết kiệm 20.000.000 đồng; 150.000.000 đồng và 250.000.000 đồng, nhưng trong lúc giao dịch phía nhân viên Ngân hàng thông báo hệ thống bị lỗi nên chưa thực hiện trả lãi cho bà, nhân viên Ngân hàng trả lại bà cuốn sổ tiết kiệm mới nói là đã gộp 03 sổ của bà thành sổ mới. Thời điểm đó, bà H không rút được lãi. Khi nhận sổ tiết kiệm mới, bà H không có coi mệnh giá ghi trong sổ, mà đem về nhà rồi bỏ vô tủ sắt cá nhân. Thời hạn gửi tiết kiệm là 01 (một) năm. Sau một năm, bà H mở tủ sắt ra thì thấy mệnh giá trong sổ tiết kiệm là 50.000.000 đồng. Bà H không có khiếu nại Ngân hàng về việc sai mệnh giá.

Đến tháng 12/2018, bà có đến Ngân hàng rút tiền lãi của sổ tiết kiệm 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà nhận thấy sổ tiết kiệm có ghi mệnh giá 600.000.000 đồng. Khi phát hiện sai sót, bà H không có khiếu nại. Trong lúc giao dịch phía nhân viên Ngân hàng cũng thông báo hệ thống bị lỗi nên chưa thực hiện trả lãi cho bà, nhân viên Ngân hàng trả lại bà sổ tiết kiệm mệnh giá là 450.000.000 đồng. Thời điểm này, bà không có khiếu nại Ngân hàng về việc sai mệnh giá.

Do sự thiếu hiểu biết và tin tưởng ngân hàng nên bà không kiểm tra lại, bà phát hiện sổ tiết kiệm mới mà ngân hàng trả lại cho bà chỉ có số tiền 50.000.000 đồng, và 450.000.000 đồng. Bà bị mất số tiền 720.000.000 đồng từ Ngân hàng. Thời điểm nào phát hiện bị mất tiền là tháng 3/2020. Bà chưa nhận được bất kỳ khoản tiền lãi nào cũng như chưa thực hiện bất kỳ giao dịch rút tiền nào từ các sổ tiết kiệm trên. Sau đó, bà gửi thêm tiền vào năm 2021, tổng số tiền tiết kiệm là 600.000.000 đồng. Sau đó bà rút số tiền 500.000.000 đồng vào tháng 12/2022. Hiện tại, bà còn gửi ở Ngân hàng là 100.000.000 đồng.

Ngân hàng đã chiếm giữ của bà số tiền là 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng). Bà H yêu cầu Toà án buộc Ngân hàng N trả lại cho bà số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Ngân hàng N trình bày:

Bà Lý Thị H, Ngày tháng năm sinh: 25/01/1970, Căn cước công dân số: 079170039720, ngày cấp: 10/08/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH, địa chỉ: A ấp A, Q, B, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Theo dữ liệu ghi nhận lịch sử gửi tiết kiệm của Ngân hàng vào năm 2018 thì:

Ngày 19/09/2014 bà H gửi sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng (số tài khoản 6604605003678) kỳ hạn 6 tháng lấy lãi trước với số tiền lãi: 1.437.500 đồng. Đến

ngày 19/03/2015 bà H lấy lãi gửi lại sổ 50.000.000 đồng (số tài khoản 6604605000350) 12 tháng lấy lãi trước với số tiền lãi: 2.830.000 đồng. Ngày 21/03/2016 bà H tất toán sổ gửi lại kỳ hạn 24 tháng lãi trước với số tiền lãi: 5.990.000 đồng (số tài khoản 6604608000083). Ngày 23/03/2018 bà H tất toán sổ tiết kiệm nhận lại tiền mặt không gửi lại.

Ngày 15/03/2017 bà H gửi sổ tiết kiệm 120.000.000 đồng (số tài khoản 6604605000554) kỳ hạn 12 tháng lấy lãi trước với số tiền lãi: 7.644.000 đồng. Đến ngày 15/03/2018 bà H tất toán sổ rút bớt 20.000.000 đồng gửi lại 100.000.000 đồng (số tài khoản 6604684007896) kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ. Ngày 15/03/2019 bà H đến nhận lãi số tiền 6.600.000 đồng, gia hạn tiếp 12 tháng lãi cuối kỳ. Ngày 16/03/2020, bà H đến nhận lãi số tiền 6.818.600 đồng gia hạn tiếp 12 tháng lãi cuối kỳ. Đến 15/03/2021, bà H tất toán sổ tiết kiệm nhận lại tiền mặt không gửi lại.

Ngày 17/11/2016 bà H gửi sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng (số tài khoản 6604608000090) kỳ hạn 24 tháng lấy lãi trước với số tiền lãi: 23.960.000 đồng. Ngày 19/11/2018 bà H tất toán gửi lại sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng (số tài khoản 6604683126979) kỳ hạn 1 tháng lấy lãi sau. Ngày 19/12/2018 bà H gia hạn 1 tháng lấy lãi. Sau khi lấy lãi bà H tất toán sổ gửi lại 12 tháng lấy lãi sau (số tài khoản 6604684018420). Ngày 19/12/2019 bà H tất toán sổ tiết kiệm nhập chung sổ 250.000.000 đồng (số tài khoản 6604601512504) gửi thành sổ 450.000.000 đồng (số tài khoản 6604604061307) kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi sau.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà mất tiền tiết kiệm vào năm 2018. Cụ thể tháng 3/2018, bà có đến Ngân hàng một lần rút tiết kiệm, bị mất hết 370.000.000 đồng. Tháng 12/2018, bà có đến Ngân hàng một lần rút tiết kiệm, bị mất hết 350.000.000 đồng. Các sổ tiết kiệm gồm 20.000.000 đồng; 150.000.000 đồng và 250.000.000 đồng, 800.000.000 đồng, bà không có giữ. Khi nhận hai sổ tiết kiệm có mệnh giá 50.000.000 đồng và 450.000.000 đồng, bà không có khiếu nại việc mất tiền. Đến tháng 3/2020, bà mới phát hiện sai sót. Bà H xác định chữ ký, chữ viết trong chứng từ giao dịch, giấy gửi tiền là chữ ký, chữ viết của bà H.

Đại diện bị đơn trình bày: Ngân hàng giữ nguyên ý kiến trình bày, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 03/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh, đã xử.

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các Điều 14 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 157, 166 Bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H về tranh chấp đòi Ngân hàng N trả số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, bà H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Ngân hàng trả cho bà 720.000.000 đồng.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn hiện nay bà H chỉ còn gửi số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này, thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm (thụ lý xét xử phúc thẩm đúng các nội dung quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng Dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đúng quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc.

Về nội dung vụ án: *Xét kháng cáo của bà Lý Thị H thấy rằng*:

Bà H khởi kiện yêu cầu Ngân hàng N trả lại cho bà số tiền 720.000.000 đồng. Vì bà H cho rằng trong năm 2018 bà đã gửi tiết kiệm tổng số tiền 1.220.000.000 đồng và bị Ngân hàng làm mất số tiền gửi 720.000.000 đồng.

Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà H không xuất trình được bản gốc các sổ tiết kiệm 20.000.000 đồng, 150.000.000 đồng, 250.000.000 đồng, 800.000.000 đồng mà bà cho rằng đã gửi tại Ngân hàng, cũng không cung cấp được chứng từ giao dịch, giấy nộp tiền hoặc tài liệu khác chứng minh việc tồn tại các khoản tiền gửi có giá trị như bà trình bày.

Đối với khoản tiền mà bà H cho rằng bị mất vào tháng 3/2018, tài liệu do Ngân hàng cung cấp thể hiện:

Ngày 15/3/2018 bà H tất toán khoản tiền gửi 120.000.000 đồng (bút lục 256-257), rút 20.000.000 đồng và gửi lại 100.000.000 đồng (bút lục 258) kỳ hạn 12

tháng lãnh lãi cuối kỳ; ngày 15/3/2019 bà H nhận lãi 6.600.000 đồng, gia hạn tiếp 12 tháng lãi cuối kỳ; ngày 16/3/2020, bà H nhận lãi số tiền 6.818.600 đồng gia hạn tiếp 12 tháng lãi cuối kỳ; đến ngày 15/3/2021, bà H tất toán sổ tiết kiệm nhận lại tiền mặt không gửi lại (bút lục 228);

Ngày 23/3/2018 bà H tất toán sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng và nhận tiền mặt (bút lục 254).

Các chứng từ giao dịch đều có chữ ký của bà H và bà H thừa nhận chữ ký trên các chứng từ là của mình. Do đó, không có căn cứ xác định bà H bị mất số tiền 370.000.000 đồng như trình bày.

Đối với khoản tiền mà bà H cho rằng bị mất vào tháng 12/2018, bà H khai có sổ tiết kiệm 800.000.000 đồng nhưng nhân viên ngân hàng trả cho bà sổ tiết kiệm mệnh giá 450.000.000 đồng tuy nhiên bà không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc gửi khoản tiền này. Trong khi đó, dữ liệu lưu trữ của Ngân hàng thể hiện các giao dịch phát sinh liên quan đến khoản tiền gửi 200.000.000 đồng, sau đó được nhập chung thành sổ tiết kiệm 450.000.000 đồng vào ngày 19/12/2019 (bút lục 262-266). Bản thân bà H cũng đã thực hiện tất toán sổ tiết kiệm 450.000.000 đồng vào ngày 20/12/2021 và nhận đầy đủ cả gốc lẫn lãi (bút lục 239).

Ngày 20/12/2022 bà H tất toán sổ tiết kiệm 600.000.000 đồng nhận lại tiền mặt gốc và lãi là 532.993.000 đồng (bút lục 64-66), gửi lại sổ tiết kiệm 100.000.000 đồng (bút lục 63). Sổ tiết kiệm 100.000.000 đồng này hiện vẫn còn gửi tại ngân hàng (bút lục 172), phù hợp với sổ tiết kiệm bà H cung cấp kèm theo đơn kháng cáo (bút lục 291).

Vì vậy, không có căn cứ xác định Ngân hàng đã chiếm giữ hoặc làm thất thoát số tiền 350.000.000 đồng như bà H trình bày.

Mặt khác, theo lời khai của chính bà H, khi nhận các sổ tiết kiệm mới bà không kiểm tra nội dung, không khiếu nại ngay với Ngân hàng M cho rằng số tiền ghi trên sổ không đúng với số tiền đã gửi. Đến tháng 3/2020 bà mới cho rằng phát hiện sự việc nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc Ngân hàng tự ý thay đổi giá trị tiền gửi hoặc chiếm giữ tiền của bà.

Mặt khác, Ngân hàng đã cung cấp được lịch sử giao dịch, chứng từ gửi tiền, tất toán, nhận lãi và các tài liệu lưu trữ nội bộ phù hợp với lời trình bày của Ngân hàng. Các tài liệu này đều thể hiện có chữ ký xác nhận của bà H. Do đó, có cơ sở xác định các giao dịch tiền gửi, rút tiền của bà H được thực hiện đúng theo hồ sơ lưu trữ của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà H không chứng minh được việc Ngân hàng đang quản lý hoặc chiếm giữ trái pháp luật số tiền 720.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà H không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị H, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/4/2026, cấp sơ thẩm tuyên án. Ngày 08/4/2026 bà Lý Thị H kháng cáo. Kháng cáo của bà H trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H thì thấy:

[2.1] Bà H cho rằng bà gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với tổng số tiền là 1.220.000.000 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng) với 04 sổ tiết kiệm. Cụ thể: 01 sổ tiết kiệm với số tiền 20.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 150.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 250.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền 800.000.000 đồng. Đến tháng 3/2018, bà có đến Ngân hàng một lần rút tiết kiệm, bị mất hết 370.000.000 đồng. Tháng 12/2018, bà có đến Ngân hàng một lần rút tiết kiệm, bị mất hết 350.000.000 đồng. Tổng cộng 720.000.000 đồng. Bà yêu cầu Ngân hàng trả cho bà số tiền 720.000.000 đồng.

[2.2] Về phía Ngân hàng không đồng ý và cho rằng: Ngày 06/7/2009, bà H gửi sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng. Đến ngày 07/10/2010, bà H tất toán. Ngày 08/10/2010, bà H gửi 300.000.000 đồng. Đến ngày 19/9/2024, bà H tất toán. Ngày 20/02/2013 bà H gửi 30.000.000 đồng đến ngày 27/02/2015, tất toán. Ngày 23/01/2014, bà H gửi 20.000.000 đồng đến ngày 23/01/2015, tất toán. Ngày 19/09/2014, bà H gửi sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng .Ngày 21/03/2016, bà H tất toán.Ngày 10/9/2015, bà H gửi 250.000.000 đồng. Đến ngày 10/12/2019 tất toán. Ngày 17/11/2016 bà H gửi 200.000.000 đồng. Đến ngày 19/12/2019 tất toán. Nhập chung thành 450.000.000 đồng. Ngày 15/3/2017 gửi tiết kiệm 120.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2018 tất toán sổ rút bớt 20.000.000 đồng gửi lại 100.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2021, tất toán nhận tiền mặt. Ngày 19/12/2019, sổ tiết kiệm 450.000.000 đồng gửi kỳ hạn 12 tháng. Đến ngày 21/12/2020, nhận số tiền lãi 30.683.800 đồng gửi lại 12 tháng. Đến ngày 20/12/2021 tất toán tiết kiệm nhập chung sổ tiết kiệm 150.000.000 đồng thành sổ tiết kiệm 600.000.000 đồng. Ngày 20/12/2022 tất toán sổ tiết kiệm 600.000.000 đồng bà H nhận tiền mặt số tiền gốc và lãi 532.993.000 đồng gửi lại 100.000.000 đồng. Sổ tiết kiệm 100.000.000 đồng này hiện vẫn còn gửi tại ngân hàng (bút lục 172).

[3] Bà H không cung cấp được tài liệu chứng từ giao dịch, giấy nộp tiền, các tài liệu chứng minh việc bà H có gửi Ngân hàng các khoản tiền như bà H trình bày và hiện Ngân hàng còn giữ của bà H 720.000.000 đồng. Mặt khác, Ngân hàng đã cung cấp được các giao dịch, chứng từ gửi tiền, tất toán, nhận lãi và các tài liệu lưu trữ nội bộ phù hợp với lời trình bày của Ngân hàng. Các tài liệu Ngân hàng cung

cấp đều thể hiện có chữ ký xác nhận của bà H. Nên có cơ sở xác định các giao dịch tiền gửi, rút tiền của bà H được thực hiện đúng theo hồ sơ lưu trữ của Ngân hàng.

Do đó, tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 03-4-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lý Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 03-4-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh.

Áp dụng các Điều 14 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 157, 166 Bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H về tranh chấp đòi Ngân hàng N trả số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Lý Thị Hồng C án phí 32.800.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí là 16.400.000 (mười sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010224 tại Thi hành án dân sự Tỉnh Tây Ninh ngày 04/11/2025 chuyển sang án phí. Bà H còn nộp thêm số tiền án phí là 16.400.000 (mười sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Lý Thị Hồng C án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007217 ngày 08/4/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự**.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- PKTNVTAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7- Tây Ninh ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân